

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 513/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Tô B T**, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Trần T P**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 00, Kênh X, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Tô B T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần T P chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2010, hôn nhân nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con tên Tô G H - sinh năm 2013, Tô G N – sinh năm 2014 và Tô G M - sinh năm 2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần T P: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần T P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Bà Tô B T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Tô B T và ông Trần T P chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2010 đến nay, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của pháp luật. Nay bà T yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận bà T và ông P là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có được 03 người con chung tên Tô G H - sinh năm 2013, Tô G N – sinh năm 2014 và Tô G M - sinh năm 2018. Các con chung hiện đang sống cùng với bà T, đã ổn định về cuộc sống nên cần giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của bà T cũng như nguyện vọng của con chung. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Tô B T và ông Trần T P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tô G H - sinh năm 2013, Tô G N – sinh năm 2014 và Tô G M - sinh năm 2018 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24/5/2021 bà T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001096 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang